TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2019/DS-ST
Ngày 03- 10 - 2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán và vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Hiển
Bà Phạm Thị Hà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên toà: Ông Dương Tấn Viễn - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019, về tranh chấp "Hợp đồng mua bán và vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 388/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tăng Thành L, sinh năm 1975 (có mặt)
Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1977 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp BS, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh Huỳnh Chí P, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Chị Hồ Hoa C, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp BS, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Sỹ Hồng T1, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp BS, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn anh Tăng Thành L và chị Huỳnh Thị T trình bày:*

Anh L và chị T có bán thức ăn và thuốc thủy sản nuôi tôm công nghiệp. Vợ chồng anh chị có giao dịch mua bán với vợ chồng anh P và chị C, hợp đồng bằng lời nói, khi cần thì anh

P và chị C đến lấy hàng chị T ghi vào sổ theo dõi đến cuối vụ nuôi tôm thu hoạch thì bên mua thanh toán nợ cho bên bán. Thời gian từ ngày 04/7/ 2007 đến ngày 29/10/2007 anh P và chị C có đến lấy hàng nhiều lần. Thời điểm tính đến ngày 10/10/2007 còn nợ số tiền 148.387.000 đồng, ngày 19/10/2007 chị C trả 25.000.000 đồng. Do anh chị còn thiếu nợ đại lý cấp trên nên yêu cầu anh P, chị C trả nợ thì vợ chồng chị C nhờ vợ chồng anh chị hỏi vàng giùm nên anh chị mới đi hỏi vay 10 chỉ vàng 24k của chị T1. Thời điểm khi vay trị giá vàng là 20.000.000 đồng/10 chỉ, đối trừ còn nợ lại 103.387.000 đồng. Khoảng vài tháng sau anh P chị C có trả cho anh chị được số tiền 11.000.000 đồng còn nợ lại 92.387.000 đồng. Sau đó anh chị có tham gia hụi cho chị C làm chủ nên hai bên thỏa thuận chị C đóng hụi thay cho anh chị tổng số tiền là 16.946.000 đồng còn nợ lại 75.441.000 đồng. Vào ngày 04/11/2014 anh P và chị C có trả cho anh chị được 10.000.000 đồng. Nay còn nợ 65.441.000 đồng.

Đối với 10 chỉ vàng 24k, khi chị C nhờ anh chị vay giùm có làm biên nhận nhưng không quy định thời gian trả. Sau khi vay khoảng một tháng anh chị đã xuất vàng ra trả cho chị T1 nên chị T1 không tính lãi suất. Về phần của chị C và anh P bị vỡ nợ nên bỏ đi nơi khác và thời gian sau đó thì trở về địa phương sinh sống. Vào ngày 29/10/2014 anh L có gặp anh P yêu cầu viết biên nhận nợ thì anh P viết biên nhận và ký tên.

** Bị đơn chị Hồ Hoa C trình bày:*

Về thời gian mua bán thức ăn như anh L, chị T trình bày là đúng. Trong năm 2007 chị T qua đòi tiền thì vợ chồng chị không có tiền trả nên chị T nói đi vay 10 chỉ vàng 24k của người khác và phải đóng lãi mỗi tháng 05 phân (đóng từ thời gian nào không nhớ trong năm 2007). Quá trình hai bên giao dịch đến ngày 25/10/2014 chị gặp chị T tính toán tiền nợ thức ăn là 75.441.000 đồng. Vào 10/2014 chị gặp chị T tính toán chị còn nợ 100.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận (trong đó có tiền nợ thức ăn và 10 chỉ vàng 24k). Sau đó khoảng một tháng thì có trả cho chị T được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 90.000.000 đồng. Chị xác định nợ phải trả nhưng nay chưa có khả năng trả nợ. Đối với biên nhận ngày 29/10/2014 là do anh P viết và ký tên nhưng viết khi nào chị không biết, vì sau này chị hỏi lại anh P nói không biết ông L kêu ký tên thì ký.

Về số tiền 75.441.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k là đúng nhưng như chị trình bày nêu trên do giữa chị và chị T có kết nợ nhưng không lập biên bản nên nay chị cũng đồng ý trả cho anh L và chị T số tiền 65.441.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k. Đối với số tiền lãi vàng chị đã đóng cho anh L không nhớ bao nhiêu chị cũng không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với anh Huỳnh Chí P trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết có tống đạt các văn bản tố tụng cho anh P hợp lệ nhưng anh P không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Sỹ Hồng T1 trình bày:* 10 chỉ vàng 24k mà chị T và anh L vay của chị đã trả xong. Nay chị không còn liên quan đến vụ án nên xin vắng mặt.

** Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, chị T buộc chị C và anh P phải trả cho anh L và chị T số tiền 65.441.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k.

Án phí dân sự sơ thẩm chị C và anh P phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho anh L, chị T tiền dự nộp án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Hồ Hoa C, anh Huỳnh Chí P, chị Sỹ Hồng T1 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Thấy rằng giữa anh L, chị T và chị C, anh P có giao dịch hợp đồng mua bán và vay tài sản với nhau được các bên đương sự thừa nhận nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán vay tài sản được quy định tại Điều 428 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Xét về nội dung tranh chấp:

Anh L và chị T khởi kiện chị C và anh P yêu cầu trả cho anh chị số tiền mua bán thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm công nghiệp là 65.441.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k. Chị C khai ngày 25/10/2014 giữa chị T và chị có tính toán tiền nợ thức ăn là 75.441.000 đồng. Vào tháng 10/2014 giữa hai bên cũng tính toán chị còn nợ 100.000.000 đồng, trong số tiền này thì có tiền nợ thức ăn và tiền nợ 10 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, do giữa chị và chị T có kết nợ nhưng không lập biên bản nên nay chị C cũng đồng ý trả cho anh L và chị T số tiền 65.441.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên nhận nợ ngày 29/10/2014 do anh Huỳnh Chí P ký tên thể hiện nội dung *" Tôi có thiếu L số tiền 75.441.000 (bẩy mươi lăm triệu mốt trăm bốn mốt ngàng) với 1 lượng vàng 24k"*. Như vậy, theo biên nhận cũng thể hiện anh P còn nợ tiền, vàng của anh L. Quá trình giải quyết vụ án chị C cũng xác định biên nhận nói trên là do anh P viết và ký tên, biên nhận này cũng phù hợp với lời trình bày của anh L, chị T về số tiền nợ, các lần chị C, anh P trả nợ được đối trừ. Anh P không có mặt tại Tòa án nhưng cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của anh L, chị T. Do đó, anh L, chị T yêu cầu chị C, anh P phải trả số tiền 65.441.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k là có có căn cứ.

Xét về trách nhiệm trả nợ: Tại thời điểm giao dịch mua bán và vay tài sản do chị C và anh P thực hiện nhằm mục đích để sử dụng sinh hoạt kinh tế chung cho vợ chồng nên xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, chị C và anh P cùng có nghĩa vụ phải trả tổng các khoản nợ trên cho anh L và chị T.

Như nhận định trên buộc chị C và anh P phải trả cho anh L và chị T số tiền 65.441.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k.

Đối với chị Sỹ Hồng T1 có cho anh L và chị T vay 10 chỉ vàng 24k. Nay chị T1 xác định anh L và chị T đã trả lại 10 chỉ vàng 24k cho chị T1 xong, không có yêu cầu gì nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 428, 438, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tăng Thành L và chị Huỳnh Thị T. Buộc chị Hồ Hoa C và anh Huỳnh Chí P phải trả cho anh Tăng Thành L và chị Huỳnh Thị T số tiền là 65.441.000 đồng (sáu mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) và 10 chỉ (mười chỉ) vàng 24k.

Kể từ ngày anh Tăng Thành L và chị Huỳnh Thị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng chị Hồ Hoa C và anh Huỳnh Chí P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Hoa C và anh Huỳnh Chí P phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 5.342.050 đồng (năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn không trăm năm mươi đồng).

Anh Tăng Thành L và chị Huỳnh Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Tăng Thành L và chị Huỳnh Thị T 2.606.000 đồng (hai triệu sáu trăm lẽ sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009593 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;